

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH SƠN LA
TRƯỜNG PTDTNT THCS VÀ THPT YÊN CHÂU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Yên Châu, ngày 25 tháng 12 năm 2025

BẢN CÔNG KHAI TÀI CHÍNH NẤU ĂN

1. Tổng số học sinh của trường	381 Học sinh				
2. Số học sinh cắt cơm	2 Học sinh				
3. Số học sinh ăn sáng:	379 Học sinh	Tiền ăn:	7,000 đồng	=	2,653,000 đồng
5. Số học sinh ăn trưa:	379 Học sinh	Tiền ăn:	23,000 đồng	=	8,717,000 đồng
6. Số học sinh ăn tối:	379 Học sinh	Tiền ăn:	23,000 đồng	=	8,717,000 đồng
8. Tiền thu:	20,087,000 đồng		53,000		
9. Tiền chi lương thực, thực phẩm trong ngày:	20,087,000 đồng				
10. Tiền thiếu:			0 đồng		

Đơn vị thực hiện :

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	Gạo	Kg	125.07	0	0	
2	Dầu ăn	Lít	25.0	50,000	1,250,000	
3	Nước mắm	Lít	5.0	13,800	69,000	
4	Mỳ chính	Kg	2.0	55,000	110,000	
5	Bột canh	Kg	4.0	20,000	80,000	

6	Muối trắng	Kg	4.0	7,000	28,000	
7	Nước rửa bát	Lít	6.8	38,000	258,400	
8	Nước lau nhà	Lít	7.2	30,000	216,000	
9	Gas đun bếp	Kg	25.0	36,000	900,000	
10	Gạo nếp(nấu cháo)	Kg	6.0	25,000	150,000	
11	Thịt lợn rang	Kg	54.0	120,000	6,480,000	
12	Giá đỗ (xào thịt)	Kg	45.5	17,000	773,500	
13	Thịt xay (ăn cháo+ xào giá+ xào khoai tây+canh bí)	Kg	16.0	120,000	1,920,000	
14	Bí đỏ (canh)	Kg	23.9	10,000	239,000	
15	Dưa hấu	Kg	28.0	20,000	560,000	
16	Thịt gà chiên	Kg	67.0	80,000	5,360,000	
17	Bột chiên	Kg	3.0	28,000	84,000	
18	Khoai tây xào thịt	Kg	44.3	17,000	753,100	
19	Rau cải (canh)	Kg	23.0	12,000	276,000	
20	Ới	Kg	27.0	20,000	540,000	
21	Tỏi	Kg		40,000	-	
22	Hành lá	Kg	1.0	40,000	40,000	
					20,087,000	

Yên Châu, ngàytháng.....năm 202.....

BỘ PHẬN NHÀ BÉP

THANH TRA NHÂN DÂN

BỘ PHẬN KẾ TOÁN

ĐẠI DIỆN NHÀ TRƯỜNG



Lò Thị Hương



Hoàng Thái Bình



Tạ Hải Yến



Lưu Văn Khải

KẾ TOÁN CÔNG TY



Nguyễn Thị Như Vân



Nguyễn Văn Hải

